

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20/5/2020

V/v “Thay đổi người trực tiếp nuôi con
sau ly hôn”

**NHÂN D A
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hương Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vương Minh Tân** và bà **Nguyễn Thị Hiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Minh Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hải Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2019/HNGĐ-ST ngày 02/12/2019 về việc Tr A chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2020, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* A **Nguyễn D**, sinh năm 1984;

Cư trú tại: Tổ 6, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lái xe; Có mặt.

** Bị đơn:* Chị **Đào H**, sinh năm 1979;

Cư trú tại: Tổ 9, phường Tân Hà, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Giáo viên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn anh Nguyễn D trình bày:*

Trước đây anh và chị Đào H là vợ chồng song đã thuận tình ly hôn, Tòa án nhân dân thành phố T ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 155/2016/HNGĐ-ST ngày 22/7/2016. Theo quyết định này, anh và chị H thoả thuận về con chung như sau: “Giao 02 con chung là Nguyễn D A, sinh ngày 01/3/2008 và Nguyễn H1, sinh ngày 26/10/2010 cho chị Đào H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn. Anh Nguyễn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn H1 mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ theo quý (03 tháng/ 1 lần) kể từ tháng 7 năm 2016 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản

trở”. Sau khi ly hôn, 02 con chung vẫn ở với chị H, sau đó chị H bận đi làm (chị H là giáo viên trường THCS Xuân Vân, Huyện S) nên đã gửi cháu Nguyễn H1 cho bố mẹ đẻ anh D ở xã Xuân Vân, huyện S chăm sóc. Do cháu H sức khoẻ yếu nên anh D đã đón cháu H1 về ở cùng anh từ tháng 5 năm 2019, hiện cháu H1 đang học trường tiểu học L, thành phố T. Để cháu H1 ổn định học tập và anh cũng có điều kiện để chăm sóc về sức khoẻ cho cháu H1, anh D đề nghị Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn: Giao cháu Nguyễn H1, sinh ngày 26/10/2010 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị H vẫn tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn D A, sinh ngày 01/3/2008. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

** Bị đơn chị Đào H trình bày:*

Trước đây chị và anh Nguyễn D (công tác tại Công ty Điện lực T) là vợ chồng, hiện nay chị và anh D đã ly hôn (Toà án nhân dân thành phố T ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 155/2016/HNGĐ-ST ngày 22/7/2016). Khi ly hôn chị và anh D thoả thuận giao 02 con chung là Nguyễn D A, sinh ngày 01/3/2008 và Nguyễn H1, sinh ngày 26/10/2010 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu H1 với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ theo quý (03 tháng/ 1 lần) kể từ tháng 7 năm 2016 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, 02 con chung vẫn ở với chị H. Tuy nhiên trong năm 2018, do điều kiện công tác (chị là giáo viên trường THCS X, huyện S) chị phải dạy học cả ngày nên chị đã gửi cháu H1 lên ở với ông bà nội (bố mẹ anh D) ở xã X, huyện S để cháu H1 đi học trên đó cho tiện chăm sóc. Đến đầu năm học 2019, anh D tự ý đón cháu H1 về ở cùng và xin chuyển trường học cho cháu H1 về thành phố T mà không trao đổi gì với chị. Song chị nghĩ sự việc không quá nghiêm trọng nên chị không có ý kiến gì, cùng thời điểm này chị H đang xây dựng nhà ở nên chị có nói với bố mẹ anh D là tạm thời để cháu H1 cho anh D nuôi dưỡng, sau khi ổn định chỗ ở chị sẽ đón cháu H1 về ở cùng. Nay anh D yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là giao cháu H1 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị H không nhất trí, vì hiện nay anh D đã kết hôn, người vợ sau của anh D có 02 con riêng cũng ở cùng vợ chồng anh D, bản thân anh D không có tài sản riêng, hiện vẫn ở trên ngôi nhà của bố mẹ cho ở tạm trong khi chị là giáo viên thu nhập từ lương là 10.000.000đồng/tháng (chưa kể dạy thêm), chị có nhà riêng trị giá gần 1 tỷ đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện:*

Sau khi anh Nguyễn D và chị Đào H ly hôn, chị H và 02 con chung vẫn ở tại nhà đất ở tổ 6, phường N, thành phố T, còn anh D thuê nhà ra ngoài ở. Có thời gian do điều kiện công tác, chị H gửi con thứ hai là cháu Nguyễn H1, sinh ngày 26/10/2010 cho bố mẹ đẻ anh D chăm sóc giúp một thời gian. Sau đó anh D đã đón cháu H1 về ở cùng, tại thời

điểm này cháu H1 vẫn đang ở cùng anh D. Hiện nay chị H đã chuyển về ở tại nhà riêng ở tổ 9, phường T, thành phố T. Còn anh D chuyển về ở tại tổ 6, phường N, thành phố T.

Anh Nguyễn D hiện là lái xe Công ty Điện lực T, thu nhập bình quân là 13.000.000đồng/tháng; chị Đào H là giáo viên trường PTCS X, huyện S, tỉnh T, thu nhập từ lương của chị H là 8.158.000đồng/tháng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh đề nghị HĐXX giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu Nguyễn H1, chị H vẫn nuôi dưỡng cháu Nguyễn D A. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bị đơn chị Đào H trình bày: Sau ly hôn do điều kiện công tác và kinh tế khó khăn vì anh D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H1 nên chị gửi cháu H1 về cho bố mẹ anh D chăm sóc giúp. Hiện nay kinh tế và chỗ ở của chị đã ổn định, trong thời gian tới chị cũng xây dựng gia đình và chuyển về Hà Nội sinh sống nên chị đồng ý giao cháu Nguyễn H1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng với điều kiện bố mẹ anh D và anh D phải có trách nhiệm về tài sản đối với cháu H1 khi cháu H1 đủ tuổi đứng tên trong giấy tờ đăng ký quyền sử dụng đất và điều kiện này phải được thể hiện trong quyết định của Tòa án. Đồng thời anh D phải tạo điều kiện cho chị đón cháu H1 vào các ngày nghỉ và ngày lễ. Chị H nhất trí về việc chị vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn D A, chị cũng không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D.

Anh Nguyễn D không đồng ý với điều kiện chị H đưa ra về tài sản đối với cháu H1.

Tại phần tranh luận, chị H nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh D và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Giao cháu Nguyễn H1, sinh ngày 26/10/2010 cho anh Nguyễn D chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đào H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn D A, sinh ngày 01/3/2008. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh D và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Anh Nguyễn D và chị Đào H đều cư trú tại thành phố T. Tại thời điểm này, con chung Nguyễn D A đang ở với chị H; con chung Nguyễn H1 đang ở với anh D. Ngày 16/9/2019, anh D nộp đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn tại Toà án. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Ngày 22/7/2016 Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 155/2016/HNGĐ-ST, giữa nguyên đơn anh Nguyễn D và bị đơn chị Đào H về việc xin ly hôn. Theo quyết định này, anh D và chị H thoả thuận về việc nuôi con chung như sau: Giao 02 con chung là Nguyễn D A, sinh ngày 01/3/2008 và Nguyễn H1, sinh ngày 26/10/2010 cho chị Đào H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn. Anh Nguyễn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn H1 mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ theo quý (03 tháng/ 1 lần) kể từ tháng 7 năm 2016 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Sau khi ly hôn, 02 con chung vẫn ở với chị H, sau đó chị H bận đi làm (chị H là giáo viên trường THCS X, huyện S) nên đã gửi cháu Nguyễn H1 cho ông bà nội chăm sóc. Do cháu H1 sức khoẻ yếu nên anh D đã đón cháu H1 về ở cùng anh từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay, hiện cháu H1 đang học trường tiểu học Lương Vượng, thành phố T. Để có điều kiện chăm sóc về sức khoẻ và tránh xáo trộn việc học tập của cháu H1 nên anh Nguyễn D nộp đơn khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là giao cháu Nguyễn H1 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; cháu Nguyễn D A, sinh ngày 01/3/2008 vẫn do chị Đào H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục như quyết định thuận tình ly hôn 155/2016/HNGĐ-ST. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Tại phần tranh luận, bị đơn chị Đào H nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh D về việc giao cháu Nguyễn H1 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; cháu Nguyễn D A, sinh ngày 01/3/2008 vẫn do chị Đào H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Xét thấy, việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Đào H không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn D và chị Đào H về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Giao cháu Nguyễn H1, sinh ngày 26/10/2010 cho anh Nguyễn D chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quyết định này thay thế mục 3 về quan hệ con chung của quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 155/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

2. Về án phí: Anh Nguyễn D phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001018 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh D đã nộp đủ án phí.

Chị Đào H không phải chịu án phí.

Anh Nguyễn D và chị Đào H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án.

3. Bản án; Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND TP. T (02 bản);
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND phường N, TPTQuang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang

